

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi  
đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn  
Dự án: Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án  
xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông,  
giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước  
Hạng mục: Khu tái định cư xã Phước An**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 08/09/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Dự án thành phần đoạn Qui Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND tỉnh về việc phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng*

*đường cao tốc Bắc- Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 23/08/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi –Hoài Nhơn, Hoài Nhơn – Qui Nhơn và Qui Nhơn – Chí Thạnh thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc –Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3576/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 23/08/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Tiểu dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc –Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước; Hạng mục: Khu tái định cư xã Phước An do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Môi trường Nam Phương lập, đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 36/SXD-HTKTTĐ ngày 10/02/2023 và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Anh Kiệt thẩm tra tại Văn bản số 04/BCTT-TM ngày 23/02/2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện tại Tờ trình số 71/TTr-BQL ngày 23/02/2023 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 64/BC-TCKH ngày 28/02/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn Dự án: Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước; Hạng mục: Khu tái định cư xã Phước An, với các nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước. Hạng mục: Khu tái định cư xã Phước An.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

**3. Chủ đầu tư:** UBND huyện Tuy Phước.

Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Tuy Phước.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm phục vụ cho Dự án thành phần đoạn Qui Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước.

**5. Quy mô đầu tư xây dựng:**

### 5.1. San nền:

- Thực hiện công tác san nền trong các ô chức năng và ô đất ở, không san nền trong phần diện tích đất thuộc lộ giới đường giao thông.

- San lấp mặt bằng với diện tích khoảng 2,75 ha.

- Cao độ san nền theo cao độ khống chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt, độ dốc từ 0,05% đến < 2%, hướng dốc san nền theo hướng từ Đông Nam sang Tây Bắc. Cao độ thiết kế san nền cao nhất +7,15m, cao độ thiết kế san nền thấp nhất + 6,34m.

- Chiều cao đắp nền trung bình: +0,2m.

- Cốt san nền trong lô thấp hơn cao độ vỉa hè thiết kế 20cm.

- Vật liệu san nền cho dự án bằng đất cấp phối đồi, độ chặt yêu cầu  $K=0,90$ .  
Nguồn vật liệu: Vật liệu san nền bằng đất cấp phối đồi, khai thác tại mỏ đất Hòn Ách thuộc xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cự ly vận chuyển đến chân công trình  $L=20,9\text{km}$ .

### 5.2. Đường giao thông:

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ có bề rộng nền mặt đường theo quy hoạch được duyệt, kết nối với giao thông hiện trạng với quy mô như sau:

- Tổng chiều dài các tuyến đường khoảng 1.558,26m; tốc độ thiết kế  $V_{tk}=30\text{km/h}$ ; độ dốc ngang mặt đường  $i_m=2\%$ ; độ dốc ngang vỉa hè  $i_{vh}=1\%$ ; tải trọng trục thiết kế  $P=100\text{KN}$ .

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)			
			LỘ GIỚI (m)	LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
1	ĐƯỜNG N1	293,32	16,00	4,0	8,0	4,0
2	ĐƯỜNG N2	197,06	14,00	3,5	7,0	3,5
		52,58	16,50	3,5	7,0	6,0
3	ĐƯỜNG N3	109,54	16,50	6,0	7,0	3,5
4	ĐƯỜNG N4	117,74	14,00	3,5	7,0	3,5
5	ĐƯỜNG N5	21,96	14,00	3,5	7,0	3,5
		46,14	7,00	1,5	4,0	1,5
6	ĐƯỜNG D1	65,00	14,00	3,5	7,0	3,5
7	ĐƯỜNG D2	303,15	14,00	3,5	7,0	3,5
8	ĐƯỜNG D3	59,00	16,50	6,0	7,0	3,5
9	ĐƯỜNG D4	92,89	14,00	3,5	7,0	3,5
10	ĐƯỜNG D5	199,88	18,00	3,5	7,0	7,5
	<b>TỔNG</b>	<b>1.558,26</b>				

\* Kết cấu nền mặt đường.

- Nền đường:

+ Bóc hữu cơ dày 20cm.

+ Đắp nền đường bằng đất đồi chọn lọc, đầm chặt K95.

- Mặt đường (kết cấu áo đường).

+ Bê tông xi măng B22,5 (M300) đá 2x4 dày 20cm.

+ Lót bạt nhựa.

+ Lót đất đồi chọn lọc dày 30cm đầm chặt K98.

- Via hè, bó via: Bó via hè bằng bê tông xi măng B20 (M250) đá 1x2, lót đáy bằng bạt nhựa.

- Kết cấu via hè: đắp đất đồi chọn lọc K95, chắn via hè bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, kích thước (15x30)cm.

- Hố trồng cây: Hố trồng cây trên via hè bố trí dọc theo via hè trên các trục đường bằng gạch xây trát vữa ngoài B5 (M75) kích thước (100x100)cm. Kết cấu hố trồng cây bằng ống buy bê tông D100cm dài 0,6m bê tông B15 (M200) đá 1x2.

- An toàn giao thông: Lắp đặt hệ thống biển báo và vạch sơn đường được bố trí đầy đủ theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

### **5.3. Hệ thống thoát nước mưa:**

Xây dựng khoảng 1.485,5m công tròn BTLT (gồm công D600, D800, D1000, D1200) đặt ngầm dọc theo các tuyến đường giao thông của dự án, thu gom theo đường ống chính dẫn về mương đất phía Bắc dự án dẫn về cửa xả bằng rãnh bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2, B =120cm.

- Hố ga công dọc và công ngang bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2 nắp đậy hố ga bằng gang.

- Hố thu nước mặt đường bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2 có lưới chắn rác bằng gang.

- Xây dựng hệ thống rãnh bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2 B=50cm thu nước các khu dân cư hiện trạng.

### **5.4. Hệ thống thoát nước thải:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải với tổng chiều dài tuyến ống khoảng 1.036m, thiết kế đi riêng với nước mưa bằng ống HDPE có đường kính từ DN200-300. Nước thải sinh hoạt của từng hộ gia đình được xử lý cục bộ tại bể tự hoại trước khi thu gom dẫn về bể tự hoại 05 ngăn.

- Trên tuyến bố trí 55 giếng thăm các loại bằng bê tông B20 (M250) đá 1x2, nắp đậy bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2, và các hố chờ đầu nối hộ dân bằng bê tông B20 (M250) đá 1x2.

- Xây dựng bể tự hoại 05 ngăn, kích thước (11,6x4,35x3,1)m bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2.

### **5.5. Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy:**

- Tuyến ống cấp nước có chiều dài tuyến ống khoảng 2.690,83m, trong đó: 1.515,23m ống HDPE đường kính D110 và 1.175,60m ống HDPE đường kính D63.

- Lắp đặt 05 trụ chữa cháy, đảm bảo khoảng cách 02 trụ không quá 150m và các phụ kiện khác trên đường ống.

- Xây dựng 01 bể cấp nước PCCC bằng BTCT đặt chìm có kích thước (AxBxH)=(6,6x6,4x3,45)m và 01 giếng khoan cấp nước.

### **5.6. Hệ thống cấp điện:**

a) Phần di dời:

- Đường dây 22kV đoạn từ cột C28/34/23 đến C28/34/28 thuộc XT473/QNH chiều dài tuyến L = 314m.

- Đường dây 0,4kV: Đoạn từ cột trạm biến áp Phước An 3 đến C208 chiều dài tuyến Lt = 306m.

- Phần đường dây 0,4kV lộ 4 TBA Phước An 3 đến C409 chiều dài tuyến L = 419m.

b) Phần xây dựng mới:

- Xây dựng mới 02 TBA có công suất 250kVA.

- Máy biến áp treo trên cột, ngoài trời không có tường rào bao che.

- Xây dựng đường dây 22kV cấp điện cho trạm biến áp số 1 với chiều dài tuyến Lt = 97m.

- Xây dựng đường dây 22kV cấp điện cho trạm biến áp số 2 với chiều dài tuyến Lt = 38m.

- Xây dựng đường dây 0,4kV thuộc TBA số 1 có tổng chiều dài tuyến Lt = 587m, sử dụng cáp nhôm bọc hạ thế LV ABC 4x95mm<sup>2</sup>-0,6/1kV.

- Xây dựng đường dây 0,4kV thuộc TBA số 2 có tổng chiều dài tuyến Lt = 655m, sử dụng cáp nhôm bọc hạ thế LV ABC 4x95mm<sup>2</sup>-0,6/1kV.

- Đường chiếu sáng:

+ Đường dây chiếu sáng trạm biến áp số 1 có tổng chiều dài tuyến Lt = 587m.

+ Đường dây chiếu sáng trạm biến áp số 2 có tổng chiều dài tuyến Lt = 655m.

+ Bộ đèn chiếu sáng: sử dụng bộ đèn led 70W.

**6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Phương.

**7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:**

- Địa điểm xây dựng: xã Phước An, huyện Tuy Phước.
- Diện tích đất sử dụng:  $F = 50.282,85m^2$  (5,03ha).

### **8. Loại, nhóm dự án:**

- Công trình hạ tầng kỹ thuật, nhóm C.
- Cấp công trình chính: cấp III.

### **9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Phương lập, đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 36/SXD-HTKTTĐ ngày 10/02/2023 và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Anh Kiệt thẩm tra tại Văn bản số 04/BCTT-TM ngày 23/02/2023.

### **10. Tổng mức đầu tư: 46.655.557.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB: 17.286.157.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 21.074.768.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 650.522.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 488.227.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.324.701.000 đồng;
- Chi phí khác: 497.247.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.333.935.000 đồng.

### **11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023.**

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** do Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện phối hợp với UBND xã Phước An và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

**15. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Theo Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

### **16. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

<b>S T T</b>	<b>Tên gói thầu</b>	<b>Giá gói thầu (VNĐ)</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Hình thức lựa chọn nhà thầu</b>	<b>Phương thức lựa chọn nhà thầu</b>	<b>Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu</b>	<b>Loại hợp đồng</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng</b>
1	Tư vấn lập TKBVTC-DT	360.014.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý I/ 2023	Trọn gói	<b>15</b> ngày
3	Tư vấn thẩm tra TKBVTC	37.811.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý I/ 2023	Trọn gói	<b>05</b> ngày
4	Tư vấn thẩm tra dự toán	36.554.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý I/ 2023	Trọn gói	<b>05</b> ngày
<b>Tổng cộng: 434.379.000 đồng</b>								

**Điều 2.** Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K<sub>3</sub>. T15.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**